

Bản án số: 16/2023/HC-ST
Ngày 15-6-2023
“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Văn và bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 23/2023/TLST-HC ngày 14-4-2023 về việc “*Khiếu kiện quyết thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2023/QĐXXST-HC ngày 31-5-2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Bà Nguyễn Thị S**; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn H; địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H, chi nhánh Đắk Nông, số 57, đường 3/2, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thành phố G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G**; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Cảnh T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Minh H, anh Võ Lâm S, chị Võ Thị Đ, chị Võ Thị Thu H, anh Võ Minh H1 và chị Võ Thị Bích H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn H; địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H, chi nhánh Đắk Nông, số 57, đường 3/2, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị S trình bày: Năm 1970, ông Võ L và bà Đỗ Thị S (bố mẹ ông Võ Ngọc A) tặng cho vợ chồng ông Võ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S diện tích đất vườn khoảng 3000m², tọa lạc tại xã G, huyện K, tỉnh Q (nay là tổ 04, phường N, thành

phố G, tỉnh Đắk Nông). Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14-11-1994 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Võ Ngọc A thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.240m² trong đó có 400m² đất thổ cư (gia đình không nhận được GCNQSDĐ). Ngày 20-3-1999, hộ ông Võ Ngọc A được UBND huyện Đ cấp lại GCNQSDĐ số P207240, thửa số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.240m², mục đích sử dụng là trồng cà phê.

1.1. Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 04-3-2013 của UBND thị xã G thu hồi của bà Nguyễn Thị S 2.884m² đất, thuộc thửa 128, tờ bản đồ độc lập để xây dựng hạng mục Kè tây (đợt 8), Hồ trung tâm, đã được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp. Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về việc thu hồi đất và Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 của UBND thành phố G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư diện tích đất 232,5m² đất nông nghiệp dự án: Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm đối với hộ bà Nguyễn Thị S. Bà S đã khiếu nại các quyết định trên, nội dung: Xem xét bồi thường 232,5m² đất đã thu hồi theo giá đất ở; bố trí đất tái định cư cho anh Võ Minh H (con trai bà S). Ngày 16-01-2023 Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 53/QĐ-UBND, nội dung: không chấp nhận khiếu nại của bà S.

1.2. Ngày 05-4-2023, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông hủy Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 của UBND thành phố G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà S; hủy Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023 của Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa về giải quyết khiếu nại và hủy GCNQSDĐ số P207240 ngày 20-3-1999 của UBND huyện Đ (cũ) cấp cho hộ ông Võ Ngọc A.

2. *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:* Ngày 20-9-2021 UBND thành phố G ban hành Quyết định số: 190/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số: 1249/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm đối với hộ bà Nguyễn Thị S, là đúng theo quy định pháp luật. Bà S có khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đã được Chủ tịch UBND thành phố G giải quyết tại Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023, nội dung: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khiếu nại của bà S, bởi lẽ: Thửa đất thu hồi của bà S nằm trong GCNQSDĐ số P207240, thửa số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.240m² cấp cho hộ ông Võ Ngọc A ngày 20-3-1999, mục đích sử dụng là đất nông nghiệp, do đó UBND thành phố G bồi thường theo giá đất nông nghiệp là đúng pháp luật; đối với nội dung đề nghị đưa 400m² đất ở vào GCNQSDĐ số P207240 để bồi thường là không có căn cứ; yêu cầu bố trí đất tái định cư cho anh Võ Minh H không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 khoản 3 Điều 28 Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Do đó, UBND thành phố G đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Minh H; anh Võ Lâm S; chị Võ Thị Đ; chị Võ Thị Thu H; anh Võ Minh H1; chị Võ Thị Bích H trình bày: Đồng

ý tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng từ cha đẻ (ông Võ Ngọc A) cho bà Nguyễn Thị S và anh Võ Minh H và không có ý kiến gì khác.

4. *Tại phiên tòa:* Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện: Hủy GCNQSDĐ số P207240 cấp cho hộ ông Võ Ngọc A và Nguyễn Thị S; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bị kiện đều đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập lưu hồ sơ vụ án và phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 24 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S: Hủy Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về thu hồi đất và một phần Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 của UBND thành phố G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị S để thực hiện Dự án Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023 của Chủ tịch UBND thành phố G; đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đã rút; buộc UBND thành phố G thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị S, xác định diện tích đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 đối với hộ bà S và giao đất tái định cư đối với anh Võ Minh H theo đúng quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16-01-2023 Chủ tịch UBND thành phố G ban hành Quyết định số: 53/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 05-4-2023, bà Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy GCNQSDĐ số P207240 cấp cho hộ ông Võ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của người khởi kiện.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Ngày 20-3-1999, hộ ông Võ Ngọc A được UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cấp GCNQSDĐ số P207240, thửa số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.240m², mục đích sử dụng: đất trồng cà phê. Ngày 04-5-2013 UBND thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 17/QĐ-UBND về việc thu hồi đất 2.884m², thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05 (thuộc thửa số 128 tờ bản đồ độc lập) để xây dựng hạng mục Kè Tây (đợt 8), công trình Hồ Trung tâm thuộc dự án công trình thủy lợi Gia Nghĩa, đã được bồi thường giá trị đất nông nghiệp và tài sản

trên đất. Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 và Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 của UBND thành phố G về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư diện tích đất 232,5m² (phần diện tích còn lại GCNQSDĐ số P207240, thửa số 47, tờ bản đồ số 05), tọa lạc tại tổ dân phố 04, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa đối với hộ bà Nguyễn Thị S để thực hiện Dự án Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm.

[2.1.1]. Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình phù hợp với tập quán ở địa phương theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình;

b) Trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương;

c) Trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất”.

[2.1.2]. Văn bản số: 1243/STNMT-ĐKTK ngày 22-5-2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông phúc đáp Công văn số: 81/2023/TA-HC ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc cung cấp thông tin, tài liệu đối với thửa đất ở có vườn, ao quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013, nội dung: “*Cụm từ “thửa đất có vườn, ao” chỉ quy định tại Điều 4 của Quyết định số: 22/QĐ - UBND ngày 12-12-2021 của UBND tỉnh Đắk Nông*”; đối với “*Trường hợp Giấy chứng nhận thể hiện mục đích sử dụng đất là “vườn tạp” thì theo Quyết định số: 507/1999/QĐ-TCĐC ngày 12-10-1999 do Tổng cục Địa chính ban hành hệ thống biểu mẫu thống kê diện tích đất đai, trong đó quy định như sau: “Đất vườn tạp là diện tích đất vườn gắn liền với đất ở thuộc khuôn viên của mỗi hộ gia đình trong các khu dân cư trồng xen kẽ giữa các loại cây hàng năm với cây lâu năm hoặc giữa các cây lâu năm mà không thể tách riêng để tính diện tích cho từng loại”* (bút lục số 76).

[2.1.3]. Quá trình giải quyết khiếu nại của bà S, các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố G đã thu thập tài liệu Sổ địa chính của xã N, huyện Đ (cũ), ghi nhận: ngày 30-10-1994 ông Võ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S được cấp GCNQSDĐ số 63609, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích đất 400m² thổ cư và 1840m² đất cà phê, theo quyết định số: 86/QĐ/UB, căn cứ Tờ trình số 15 ngày 10-11-1994 (bút lục số 14, 16), song không có chứng cứ về việc gia đình bà S đã nhận được GCNQSDĐ này. Mặt khác, tại Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường hạng mục Kê tây (đợt 8) kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-UBND ngày 04-5-2013 của UBND thị xã G đối với bà Nguyễn Thị S (bút lục số 156, 157, 166, 167), ghi nhận: Bà S được bồi thường diện tích ao cá, nhà, vật kiến trúc được tạo lập, hình thành từ năm 1996; các loại cây lâu năm đã trồng từ các năm 1991 đến năm 2005; Bản kê khai về đất đai, nhà cửa của bà S được Tổ dân phố 04 và UBND phường N, thành phố G xác nhận ngày 23 tháng 9 năm 2019 (bút lục số 105, 106), kèm theo phụ lục số 01 phương án bồi thường (bút lục số từ 101, 106, 144), ghi nhận: Bà S sử dụng

đất có nguồn gốc nhận tặng cho liên tục, ổn định từ tháng 4 năm 1970, trên đất có nhà và vật kiến trúc xây dựng năm 1999 và năm 2000; cây mít đã trồng 15 năm.

[2.1.4]. Người khởi kiện cung cấp chứng cứ là Giấy tặng cho đất (bản gốc) được Ủy ban hành chính xã G, quận K, tỉnh Q (cũ) xác nhận ngày 20-4-1970 (bút lục số 178), ghi nhận: Ông Võ L và bà Đỗ Thị S (bố mẹ ông Võ Ngọc A) tặng cho vợ chồng ông Võ Ngọc A và bà Nguyễn Thị S đất vườn có cây, diện tích khoảng 3000m² (không ghi rõ diện tích đất ở), tọa lạc tại ấp N, xã G (nay là tổ 04, phường N, thành phố G), tình tiết này thuộc trường hợp giấy tờ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013: “*Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất...*”. Đồng thời, hộ bà S kê khai và được UBND phường N xác nhận nhà, vật kiến trúc và ao cá được tạo lập, hình thành từ năm 1996; các loại cây lâu năm trồng hình thành từ năm 1991.

[2.1.5]. Tại điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, cụ thể: “*Diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thừa đất ở có vườn, ao đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 được xác định như sau: b) Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này nhưng diện tích đất ở chưa được xác định theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, Khoản 3 Điều này và chưa được xác định lại theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và Khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định lại là đất ở*”.

[2.2]. Bản kê khai về nhà đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án: Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm...(bút lục số 107) của ông Võ Minh H có xác nhận của cán bộ địa chính và UBND phường N, thành phố G ngày 23-9-2019, nội dung: Ông H có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, phường N; sử dụng đất ổn định, liên tục, có nhà và vật kiến trúc khác hình thành từ năm 2011 (nguồn gốc đất bà S tặng cho); cùng sinh sống trên diện tích đất bà S bị thu hồi, không có chỗ ở nào khác. Tại “Phụ lục số 01” kèm theo Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023 của UBND thành phố G về việc giải quyết khiếu nại của bà S (bút lục số 145), phần nội dung bồi thường có ghi nhận: ông Võ Minh H có căn nhà xây diện tích 90,3m² và các vật kiến trúc khác.

[2.2.1]. Ngày 17-5-2023, Công an thành phố G ban hành Công văn số 931/CATP-QLHC phúc đáp Công văn số: 65/2023/CV-TA/HC ngày 09-5-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc cung cấp thông tin, tài liệu (bút lục số 79) kèm theo hồ sơ lịch sử, tình trạng cư trú của ông Võ Minh H, sinh năm 1987, ghi nhận: Ông Võ Minh H sinh sống và đăng ký sổ hộ khẩu số 516/CN năm 1982 (ông Võ Ngọc A là chủ hộ) từ ngày 17-02-1987 và Sổ hộ khẩu số: 170067225 năm 2011 (bà Nguyễn Thị S là chủ hộ). Ngày 05-01-2017, ông Võ Minh H thực hiện thủ tục thay đổi hộ khẩu (bút lục số 82), kèm theo “*Giấy xác nhận chỗ ở hợp pháp*” và được cán

bộ đô thị và UBND phường N xác nhận ngày 05-01-2017: có căn nhà cấp 04, diện tích 95,8m², tọa lạc tại tổ 04, phường N, thành phố G (bút lục số 85). Ngày 06-01-2017, ông Võ Minh H được Công an thị xã G cấp sổ hộ khẩu số 17178034, nơi thường trú; tổ dân phố 04, phường N, thị xã G (Trước thời điểm UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 1720/QĐ-UBND ngày 31-10-2017 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm - Bút lục số 10).

[2.2.2]. Điều 6 của Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định như sau: “Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”.

Tại khoản 1 và 3 Điều 28 Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

“1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do thu hồi hết đất ở hoặc diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định) mà hộ gia đình, cá nhân không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

3. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có

chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì mỗi hộ gia đình được giao một (01) lô đất tái định cư.”

[2.3]. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Diện tích đất bị thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị S 232,5m², thửa số 47, tờ bản đồ số 05, GCNQSDĐ số P207240 do UBND huyện Đ (cũ) cấp ngày 20-3-1999 (thửa số 23, mảnh trích đo số 8-2018 của dự án), tọa lạc tại tổ dân phố 04, phường N, thành phố G, thuộc trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 và được xác định lại đất ở quy định tại điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, anh Võ Minh H thuộc trường hợp đủ các điều kiện được giao đất tái định cư quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 của Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của UBND tỉnh Đắk Nông.

[3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc hủy Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về thu hồi đất và một phần Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với hộ bà Nguyễn Thị S, nội dung: Bồi thường về đất và tái định cư; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023 của Chủ tịch UBND thành phố G. Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính buộc UBND thành phố G thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc thu hồi đất thuộc thửa đất số 28, mảnh trích đo địa chính 08-2018, Dự án Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm theo quy định của pháp luật; xác định hạn mức công nhận diện tích đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao theo quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 đối với hộ bà Nguyễn Thị S và giao đất tái định cư đối với anh Võ Minh H theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 của Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Sương được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; trả lại tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 100; điểm c khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S:

1.1. Hủy Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về thu hồi diện tích đất 232,5m² thuộc thửa số 28, mảnh trích đo 08-2018 và một phần Quyết định số: 1249/QĐ-UBND ngày 20-9-2021 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư của Ủy ban nhân dân thành phố G đối với hộ bà Nguyễn Thị S để thực hiện Dự án Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm, nội dung: Bồi thường về đất và tái định cư; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại: 53/QĐ-UBND ngày 16-01-2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc thu hồi đất thuộc thửa đất số 28, mảnh trích đo địa chính 08-2018, Dự án Đường Bờ Tây, Hồ trung tâm theo quy định của pháp luật và xác định hạn mức công nhận diện tích đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao theo quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai đối với hộ bà Nguyễn Thị S; giao đất tái định cư đối với anh Võ Minh H theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 của Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P207240, thửa số 47, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.240m², do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20-3-1999 cho hộ ông Võ Ngọc A.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị S 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000279 ngày 14-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Tờ HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Lương Đức Dương